

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
công trình Cầu Ngọc Quỳnh trên ĐH.19, huyện Văn Lâm**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Quỳnh trên ĐH.19, huyện Văn Lâm;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Văn Lâm tại Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 27/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cầu Ngọc Quỳnh trên ĐH.19, huyện Văn Lâm với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cầu Ngọc Quỳnh trên ĐH.19, huyện Văn Lâm.
2. Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Quỳnh trên ĐH.19, huyện Văn Lâm.
3. Loại, cấp công trình:
 - Loại công trình: Công trình giao thông;
 - Cấp công trình: Công trình cấp III.
4. Địa điểm xây dựng: Huyện Văn Lâm.
5. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và công nghệ ATP.
6. Chủ trì dự án: Kỹ sư Vũ Văn Hiếu.
7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

7.1. Quy mô đầu tư:

a) Phần cầu:

- Cầu xây dựng bằng BTCT, dầm bản BTCT DUL;
- Tải trọng thiết kế: HL93;
- Bề rộng toàn cầu $B_{tc} = 2,75 + 11,50 + 2,75 = 17,0$ m (phần xe chạy $B_{xc} = 11,5$ m; bộ hành $B_h = 2 \times 2,25 = 4,5$ m; lan can hai bên cầu $B_{lc} = 2 \times 0,5 = 1,0$ m);
- Chiều dài nhịp $L_{nhịp} = 18,0$ m; chiều dài toàn cầu $L_{TC} = 27,70$ m;

b) Đường hai đầu cầu:

- Tốc độ thiết kế: 50 km/h;
- Tải trọng trục thiết kế $P=10T$;
- Mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc}=120$ Mpa;
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa;
- Chiều dài đường hai đầu cầu $L = 297,5$ m;
- Chiều rộng nền đường $B_{nền}=16,0$ m; chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 11,0$ m; chiều rộng vỉa hè $B_{vh} = 2 \times 2,5 = 5,0$ m;
- Xây dựng hệ thống thoát nước dọc tuyến trên vỉa hè.

c) Phần điện chiếu sáng: Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng hai bên đường.

7.2. Giải pháp thiết kế:

7.2.1. Phần cầu:

7.2.1.1. Kết cấu phần trên:

- Cầu gồm 17 phiến dầm bản BTCT DUL 40MPa đúc sẵn, đặt cách nhau $a = 1,0$ m, chiều dài dầm $L_{dầm} = 18,0$ m; chiều cao dầm $H_d = 65$ cm;
- Bản mặt cầu BTCT 30Mpa (lớp tạo dốc ngang được thiết kế trong phạm vi phần xe chạy);
- Lớp phòng nước bằng vật liệu chống thấm RADCON FORMULA #7;
- Lớp phủ mặt cầu bằng BTNC 12,5 dày 7cm; độ dốc ngang 2 mái $i = 2\%$;
- Gối cầu bằng cao su có cốt bản thép chịu lực;
- Khe co giãn bằng thép hình răng lược;
- Bó vỉa, vỉa hè lát đá xẻ tự nhiên;
- Lan can bằng đá đẽo;
- Ống thoát nước mặt cầu D100mm bằng gang đúc sẵn dày 9mm.

7.2.1.2. Kết cấu phần dưới:

- Mố cầu được thiết kế kiểu tường chữ U bằng BTCT 30MPa; đài móng đặt trên hệ cọc gồm 56 cọc BTCT 30MPa đúc sẵn, kích thước 35x35cm, chiều dài cọc dự kiến là 32m;

- Bản dẫn sau mô bằng BTCT 30MPa dày 30cm; chiều dài bản dẫn theo phương dọc cầu là 5m; chiều rộng bản dẫn theo phương ngang cầu 11m; liên kết với mô cầu bằng chốt thép D25mm;

- Hoàn trả mái kênh bằng tấm BTCT M200 đá 1x2 đúc sẵn lắp ghép trên lớp đệm BTXM M100 dày 10cm; chân khay bằng BTXM M200 đá 1x2.

7.2.2. Đường hai đầu cầu:

7.2.2.1. Bình đồ: Điểm đầu Km0+00 giao với QL.5 (tại Km12+200 theo lý trình QL.5) thuộc địa phận thị trấn Như Quỳnh; điểm cuối Km0+325 giao với đường vào làng nghề Minh Khai; dài 325m (bao gồm cả cầu dài 27,70m).

7.2.2.2. Trắc dọc: Trên cơ sở yêu cầu của thủy lợi, thiết kế đường đồ đảm bảo cao trình dòng chảy của kênh tưới và phù hợp với địa hình xung quanh, đảm bảo chiều dày kết cấu và độ êm thuận trên toàn tuyến.

7.2.2.3. Trắc ngang:

- Chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 11,0\text{m}$, độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$.

- Chiều rộng hè $B_{\text{hè}} = 2 \times 2,5 = 5,0\text{m}$; độ dốc ngang hè $i_{\text{h}} = 1,5\%$.

- Chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 16,0\text{m}$.

7.2.2.4. Kết cấu mặt đường (theo thứ tự từ trên xuống).

a) Trên mặt đường cũ:

- Đoạn từ Km0+44,67 đến Km0+88,49 và đoạn từ Km0+156,39 đến Km0+325 :

+ Lớp BTNC 12,5 dày 7cm;

+ Tưới nhựa dính bám bằng nhựa nóng pha dầu tiêu chuẩn 0,5kg/m²;

+ Bù vênh bằng đá dăm trộn nhựa độ rỗng từ 25-35% (nhựa 3,6%);

+ Tưới nhựa dính bám bằng nhựa nóng pha dầu tiêu chuẩn 0,5kg/m²;

- Đoạn từ Km0+127,34 đến Km0+156,39: Xử lý mặt đường cũ như kết cấu mặt đường mở rộng.

b) Trên mặt đường mở rộng :

- Lớp BTNC 12,5 dày 7cm;

- Tưới nhựa thấm bám bằng nhựa nóng pha dầu, tiêu chuẩn 1,0kg/m²;

- Móng CPDD loại I dày 15cm;

- Móng CPDD loại II dày 25cm;

- Lớp cát đen đầm chặt K98 dày 50cm;

c) Kết cấu các vuốt nối ngang: Vuốt nối ngang đầu tuyến, cuối tuyến và các đường ngang bằng BTNC 12,5 trên lớp móng đường CPDD loại I.

7.2.2.5. Hè đường:

- Via hè: Mặt hè lát đá xanh đen trạm trở hoa văn, kích thước (40x40x3)cm trên lớp BTXM M150 đá 2x4 dày 10cm;

- Hồ trồng cây: Bố trí trên hè đường với khoảng cách 10m/hố. Kích thước lòng hố (85x85)cm; thành hố lát đá xẻ trên lớp móng BTXM M150 đá 2x4 dày 10cm.

- Bó vỉa bằng đá xẻ, rãnh tam giác bằng BTXM M200 trên lớp BTXM M150 đá 2x4. Kích thước bó vỉa (100x18x23)cm phía công ty và trên mặt cầu; (100x30x19) phía nhà dân, kích thước rãnh tam giác (50x25x6)cm.

7.2.2.6. Thoát nước dọc:

- Thiết kế hệ thống công dọc BTCT D800 tải trọng B, đoạn qua đường ngang lắp đặt ống công tải trọng C (*ống công tải trọng B khoảng 400m, ống công tải trọng C khoảng 36m*). Thiết kế thu nước qua hố ga thu nước. Đầu nối với hệ thống thoát nước cuối tuyến bằng rãnh dọc xây gạch vữa XMCV M75.

- Kết cấu công dọc: Công tròn BTCT đúc sẵn D800 tải trọng B (công qua đường ngang tải trọng C) đặt trên đế công BTCT đúc sẵn (đoạn qua đường ngang móng công BTXM M150 đá 2x4 dày 30cm) trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm.

- Kết cấu hố ga: Thành hố ga xây gạch chỉ đặc vữa XMCV M75; móng BTCT M200 đá 1x2 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm 2x4 đệm dày 10cm; trát, láng lòng hố ga bằng vữa XMCV M75 dày 1,0cm; xà mũ BTCT M200 đá 1x2; sàn đỡ cổ hố ga BTCT M250 đá 1x2; nắp hố ga, nắp chắn rác bằng gang đúc sẵn.

- Kết cấu hố thu nước: Thành, đáy bằng BTXM M150 dày 15cm trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm; chắn rác bằng gang đúc sẵn; dẫn nước vào hố ga bằng 02 ống nhựa PVC đường kính D200.

7.2.2.7. Thoát nước ngang:

- Thiết kế xây mới công C1 (Km0+13,75, dài 13,0m) và công C2 (Km0+305,75, dài 13,0m).

- Kết cấu công ngang: Sử dụng ống công BTCT D1000 đúc sẵn, tải trọng C. Móng công đỡ BTXM M150 dày 30cm trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm; đầu công kết nối với hệ thống hố ga thăm của công dọc.

7.2.2.8. Điện chiếu sáng: Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng hai bên đường.

- Cột đèn sử dụng cột thép bát giác tròn côn, cần đỡ cao 10m, độ vươn xa của cần 1,5m, toàn bộ cột, cần đèn được mạ kẽm nhúng nóng.

- Móng cột bằng BTXM mác 200 đá 2x4, liên kết cột với khung móng bằng Bu lông.

- Đèn chiếu sáng: Sử dụng bộ đèn chiếu sáng Led-120W/(150-250)V.

- Nguồn điện hạ thế lấy từ trạm biến áp Ngọc Quỳnh 1 (tại Km0+275).

7.2.2.9. An toàn giao thông: Bố trí biển báo, vạch sơn kẻ đường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

7.2.2.10. Thiết kế cầu tạm đảm bảo giao thông:

- Quy mô: Cầu dài 10,50m, rộng 4,4m bằng thép; đường dẫn rộng 4,5m;

- Kết cấu:

+ Cầu tạm kết cấu thép, mố cầu bằng rọ đá học.

+ Kết cấu đường dẫn : Mặt đường cấp phối đá dăm; lề đắp đất, nền đắp đất.

8. Giá trị dự toán xây dựng công trình : **30.766.108.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 24.065.019.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 473.985.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 1.662.282.000 đồng
- Chi phí khác : 1.767.903.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 2.796.919.000 đồng.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2017 - 2018.

Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Hưng Yên, Chủ tịch UBND huyện Văn Lâm và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh